

Bản án số: 06/2019/HS-PT
Ngày 23-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 23-01-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLPT-HS ngày 02-01-2019 đối với bị cáo Trần Văn L do có kháng cáo của bị cáo L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn L** (tên gọi khác: L B); Sinh năm 1993; Nơi sinh: Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú Khóm B, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ văn hoá 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Lý Thị S; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh, chị, em ruột 04 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: 01 tiền án, ngày 27 tháng 6 năm 2012, bị Tòa NLC3 thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt từ ngày 03-5-2018; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 09-9-2018, chuyển tạm giam từ ngày 12-9-2018 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử NLC3 thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Phạm Văn H, Trần Ngọc T; Người làm chứng: NLC1, NLC2, NLC3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L, sinh năm 1993, cư trú tại số khóm B, phường T, thành phố S và NLC3 là bạn bè thường chơi chung với nhau. Khoảng 05 giờ sáng ngày 09-9-2018, NLC3 gặp L tại thành phố S, NLC3 rủ L đi trộm gà thì được L đồng ý.

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 09-9-2018, NLC3 điều khiển xe mô tô biển số 83P1 - 528.63 chở L đến khu vực ấp A1, xã L, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng, NLC3 phát hiện có con gà trống thả lang nên dừng xe để nhử bắt trộm gà, lúc này L phát hiện xe mô tô biển số 83S6 - xxxx nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha của Phạm Văn H thì L nảy sinh ý định trộm xe của anh Hải, khi L vừa mở khóa lấy được xe, để máy chạy thì anh H trong nhà quay qua nhìn thấy, chạy bộ đuổi theo và truy hô “Trộm, trộm”, nghe tiếng la thì NLC3 cũng lên xe bỏ chạy theo L, quần chúng nhân dân đuổi theo khoảng 06 – 07km thì bắt được L và NLC3, thu hồi tang vật là 02 xe mô tô nói trên giao cho Công an xã L đến lập biên bản phạm pháp quả tang chuyển Công an huyện MT xử lý theo thẩm quyền. Quá trình làm việc L và NLC3 khai nhận mục đích ban đầu là đi trộm gà, khi tới ấp xã L, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng, NLC3 đang trộm gà, còn L phát hiện xe mô tô gần đó, không nói cho NLC3 biết hay bàn bạc gì mà một mình lấy xe mô tô biển số 83S6 - xxxx nên L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm xe mô tô biển số 83S6 - xxxx.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KLĐGTS ngày 12-9-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện MT kết luận: 01 xe mô tô biển số 83S6 - xxxx nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu đen - bạc, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.782.750 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L (tên gọi khác: L B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 09 tháng 9 năm 2018).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 30-11-2018, bị cáo Trần Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn L lập ngày 30-11-2018, được Nhà tạm giữ Công an huyện MT xác nhận vào ngày 30-11-2018 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn L về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn L như sau: Bị cáo Trần Văn L đã khai nhận, vào ngày 09-9-2018 tại ấp A1, xã L, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 83S6 - xxxx nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha của anh Phạm Văn H, bị cáo nảy sinh ý định trộm xe của anh H, khi bị cáo vừa mở khóa lấy được xe, đề máy chạy thì anh H trong nhà phát hiện, chạy bộ đuổi theo và truy hô “Trộm, trộm”, quần chúng nhân dân đuổi theo khoảng 06 - 07 Km thì bắt được bị cáo L, theo kết luận định giá tài sản là 7.782.750 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai bị hại và phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với khung hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng chưa phù hợp, do bị cáo có một tiền án (theo bản án phúc thẩm số 616/2012/HSPT ngày 27/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh) đã áp dụng tình tiết “tái phạm”, khi phạm tội mới bị cáo chưa được xóa án tích, mà tội phạm bị cáo phạm phải là do cố ý, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo phạm tội lần này thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chứ không phải khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm án; bị hại không kháng cáo tăng nặng hình phạt và Viện kiểm sát không kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chuyển khung hình phạt nặng hơn đối với bị cáo. Vì vậy, cần kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm đối với hành vi của bị cáo.

[4] Xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L như: thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h, điểm s,

khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo L 01 năm 06 tháng tù, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn L chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Trần Văn L.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L (tên gọi khác: L B) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 09-9-2018).

3. Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm đối với hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Trần Văn L chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện MT (02);
- VKSND huyện MT (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQĐT - Công an huyện MT (01);
- CQTHAHS-Công an huyện MT (01);
- Chi cục THADS huyện MT (01);
- Bị cáo, bị hại (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng (01)
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thúy